

TIỀN CÔNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM THUÊ PHI CHÍNH THỨC - SO SÁNH VỚI TIỀN LƯƠNG TỐI THIỂU VÙNG VÀ LƯƠNG ĐỦ SỐNG

(Trường hợp người thu gom rác và thợ
xây dựng tại Thành phố Hồ Chí Minh)

NGUYỄN THỊ MINH CHÂU*

Tiền công chưa đáp ứng được mức sống tối thiểu và thấp hơn lương đủ sống là kết quả chung của nhiều nghiên cứu về tiền lương, tiền công ở nhóm lao động làm thuê phi chính thức. Nghiên cứu trường hợp lao động làm thuê phi chính thức là người thu gom rác dân lập, người lao động trong ngành xây dựng ở TPHCM cho thấy vì không có hợp đồng lao động nên họ chưa tiếp cận được bề dờ “tiền lương tối thiểu”, tiền công được nhận theo thỏa thuận hai bên và trong nhiều trường hợp thấp hơn mức lương tối thiểu vùng. So với lương đủ sống tính theo phương pháp Ankers thì nhóm thu gom rác dân lập chỉ chiếm 72% mức lương đủ sống. Do đó, rất cần nghiên cứu sâu rộng, hướng đến vận động chính sách, để đưa nhóm đối tượng này trở thành đối tượng của Bộ luật Lao động, được đảm bảo mức lương đủ sống.

Từ khóa: tiền công, lao động làm thuê, phi chính thức, TPHCM

Nhận bài ngày: 11/8/2020; *đưa vào biên tập:* 12/8/2020; *phản biện:* 3/9/2020; *duyet đăng:* 24/10/2020

1. DẪN NHẬP

Tiền lương/tiền công là một trong những chủ đề trọng tâm ở cả khía cạnh kinh tế và xã hội. Bởi lao động, việc làm, tiền lương là một trong bốn trụ cột đảm bảo an sinh xã hội trong hệ thống chính sách an sinh xã hội của Việt Nam đến năm 2020; trong đó nhấn mạnh đảm bảo việc làm và thu nhập đủ sống, giảm nghèo bền vững (ILSSA, 2013). Vấn đề này càng trở nên bức thiết hơn đối với những

người lao động làm thuê phi chính thức (sau đây gọi là lao động phi chính thức làm công ăn lương). Đó là những người lao động làm thuê không có hợp đồng lao động, công việc bấp bênh, thời gian làm việc dài nhưng thu nhập thấp với nguồn thu chính thường xuyên là tiền công. Nhưng cho đến nay, nhóm này vẫn chưa thuộc đối tượng thụ hưởng của hệ thống chính sách lao động Việt Nam và chưa được nghiên cứu rộng rãi nhằm hướng đến vận động chính sách, đảm bảo an sinh xã hội và cụ thể nhất là chưa được hưởng theo hệ thống chính

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

sách lương tối thiểu.

Đặt trong mối tương quan nghiên cứu tiền lương và tiền lương tối thiểu, tiền lương tối thiểu chỉ được áp dụng đối với người lao động có hợp đồng, lao động phi chính thức làm công ăn lương đứng ngoài lề chính sách trong khi tiền lương tối thiểu là “lưới an toàn” cho người lao động.

Các nghiên cứu trước đây cho rằng, tiền lương của người lao động khu vực chính thức thực tế cao hơn so với mức lương tối thiểu vùng nhưng rất khó đảm bảo mức sống tối thiểu nếu không có các khoản phụ cấp, làm thêm ngoài giờ (Oxfam, 2018). “Thu nhập từ việc làm phi chính thức hầu như vẫn không đáp ứng được mức sống cơ bản vì việc làm phi chính thức hiếm khi đi kèm với tiền lương đầy đủ, điều kiện làm việc tốt và bảo trợ xã hội” (Tổng cục Thống kê và ILO, 2016: i); và có mối tương quan tỷ lệ thuận giữa tính phi chính thức và nghèo đói (Maurizio, 2010). Phần lớn lao động không có chuyên môn kỹ thuật, trình độ học vấn thấp được xếp vào nhóm dễ bị tổn thương (Tổng cục Thống kê và ILO, 2016). Không chỉ bất bình đẳng về tiền lương/tiền công, nhóm lao động khu vực phi chính thức hạn chế trong việc tiếp cận an sinh xã hội lớn hơn nhiều so với nhóm lao động khu vực chính thức.

Bài viết cung cấp những luận chứng khoa học thực tiễn về tiền công của người lao động làm thuê phi chính thức, đặt trong mối quan hệ nghiên cứu so sánh với tiền lương tối thiểu

vùng và lương đủ sống nhằm trả lời câu hỏi nghiên cứu: Tiền công của người lao động phi chính thức làm công ăn lương cao hay thấp hơn tiền lương tối thiểu vùng; Sự cân đối giữa tiền công và lương đủ sống, khả năng đáp ứng nhu cầu sống tối thiểu như thế nào.

TPHCM có tỷ lệ lao động phi chính thức cao nhất cả nước, chiếm trên 10,4% tỷ trọng lao động của cả nước và 45,2% tỷ trọng lao động của TPHCM vào năm 2016; nhóm làm công ăn lương chiếm tỷ lệ hơn 50% trong nhóm lao động phi chính thức (Tổng cục Thống kê và ILO, 2016). Bài viết này chỉ giới hạn nhóm ngành nghề thu gom rác dân lập và xây dựng, không mang tính đại diện toàn bộ lao động làm thuê phi chính thức ở TPHCM.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu của bài viết

Bài viết sử dụng nguồn dữ liệu sơ cấp từ cuộc khảo sát của đề tài nghiên cứu cấp Cơ sở “Tiền công của lao động làm thuê phi chính thức: So sánh với tiền lương tối thiểu vùng và lương đủ sống” do tác giả làm chủ nhiệm.

Trong tổng số 152 người được khảo sát năm 2019 có 63 người thu gom rác dân lập và 89 người làm thợ/phụ hồ (xây dựng). Với mục tiêu nghiên cứu tiền công của lao động phi chính thức làm công ăn lương so với lương đủ sống đang hoang, đủ đáp ứng các nhu cầu sống cơ bản của bản thân người lao động và gia đình, mẫu khảo sát được xác định là những người có

vợ/chồng đang sống cùng ở TPHCM (nhóm thu gom rác dân lập chiếm 95%, nhóm xây dựng là chiếm 97,8%). Hầu hết người làm thuê phi chính thức trong mẫu khảo sát là những người nhập cư từ các tỉnh khác đến TPHCM sinh sống làm ăn (81,5% từ các tỉnh ở Đồng bằng sông Cửu Long; 11% từ các tỉnh miền Trung và miền Bắc; tỷ lệ còn lại 7,5% là người có hộ khẩu thường trú tại TPHCM).

2.2. Cơ sở pháp lý về tiền lương tối thiểu vùng, lương đủ sống và phương pháp tính lương đủ sống

Theo Điều 55, Bộ luật Lao động: “Tiền lương là khoản tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động để thực hiện công việc theo thỏa thuận”. Tiền công chỉ là một biểu hiện, một tên gọi khác của tiền lương. Khái niệm tiền công được sử dụng phổ biến trong những thỏa thuận thuê nhân công trên thị trường tự do và có thể gọi là giá công lao động.

Tiền lương tối thiểu vùng

Theo Điều 90, Bộ luật Lao động 2012, mức lương tối thiểu là mức thấp nhất trả cho người lao động làm công việc giản đơn nhất, trong điều kiện lao động bình thường và phải bảo đảm nhu cầu sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đã đề ra chủ trương cải cách chính sách tiền lương, theo đó tiền lương phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, với mục tiêu tiến tới đảm bảo cho người lao động sống

được bằng tiền lương và tiền lương tối thiểu phải đáp ứng được các nhu cầu sống tối thiểu của họ và gia đình họ.

Căn cứ vào nhu cầu sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, điều kiện kinh tế - xã hội và mức lương trên thị trường lao động ở từng vùng, Chính phủ sẽ quyết định các mức lương tối thiểu vùng theo sự tư vấn của Hội đồng Tiền lương Quốc gia.

Lương đủ sống và phương pháp tính lương đủ sống

Lương đủ sống được các chuyên gia nghiên cứu định nghĩa là mức lương mà người lao động nhận được cho thời gian làm việc bình thường đủ để duy trì mức sống đàng hoàng cho bản thân và gia đình, bao gồm thực phẩm, nước, nhà ở, giáo dục, y tế, giao thông, quần áo, và các nhu cầu thiết yếu khác cũng như chi phí dự trù cho các sự việc phát sinh ngoài dự tính. Đây là mức lương đủ để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của người lao động và gia đình họ.

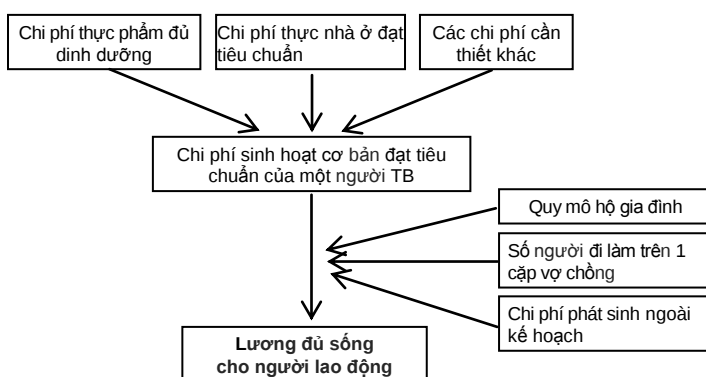
Hiện có 2 phương pháp tính lương đủ sống được áp dụng, đó là lương đủ sống của Sàn lương Châu Á (AFWA) và phương pháp tính lương đủ sống của Ankers. Trong bài viết này áp dụng phương pháp tính lương đủ sống của Ankers để tính mức lương đủ sống của nhóm lao động làm thuê phi chính thức ở TPHCM theo số liệu khảo sát năm 2019. Theo đó, cấu phần của lương đủ sống bao gồm: chi phí thực phẩm đủ dinh dưỡng, chi phí nhà ở đạt tiêu chuẩn, các chi phí cần

thiết khác đáp ứng nhu cầu cơ bản của một người trung bình, theo sơ đồ sau (Hình 1).

Tương đương, cấu phần chi phí đảm bảo mức sống cơ bản nhưng đang hoang của một hộ gia đình tiêu biểu gồm: chi phí thực phẩm, chi phí nhà ở, chi phí phi thực phẩm và phi nhà ở, dự trù cho các chi phí phát sinh.

Lương đủ sống thực hưởng = chi phí đảm bảo mức sống cơ bản nhưng đang hoang của một hộ gia đình tiêu biểu: số người lao động trong một hộ gia đình tiêu biểu (gồm 4 người, trong đó có 2 người lao động tạo thu nhập và 2 người phụ thuộc).

Hình 1. Cấu phần của lương đủ sống theo phương pháp Ankers



Nguồn: Đỗ Quỳnh Chi, 2016.

Bảng 1. Thu nhập bình quân hộ gia đình theo tháng (đvt: đồng)

	Hộ gia đình người thu gom rác	Hộ gia đình thợ xây dựng	Tổng
Số hộ	63	89	152
Thu nhập bình quân (tháng)	12.537.032	19.814.270	11.601.776
Tối thiểu	4.500.000	6.000.000	4.500.000
Tối đa	30.900.000	39.200.000	39.200.000

Nguồn: Nguyễn Thị Minh Châu, 2019.

Lương đủ sống = các khoản thuế và nộp bảo hiểm xã hội + lương đủ sống thực hưởng

Theo nguyên tắc tính lương của người lao động so với lương đủ sống của Ankers: không tính lương tăng ca; tiền trợ cấp, phụ cấp.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thu nhập của hộ gia đình

Với đặc điểm của hộ gia đình có hai vợ/chồng cùng có việc làm, thu nhập bình quân hàng tháng của hộ gia đình là 11.601.776 đồng; trong đó thu nhập ở nhóm xây dựng cao hơn so với nhóm thu gom rác, mức chênh lệch hơn 7 triệu đồng (12.537.032 đồng/

tháng/hộ so với 19.814.270 đồng/tháng/hộ). Mức thu nhập bình quân hộ gia đình thấp nhất là 4.500.000 đồng/tháng/hộ; trong đó ở nhóm thu gom rác là 4.500.000 đồng/tháng và nhóm xây dựng là 6.000.000 đồng/tháng (Bảng 1).

Bảng 2. Nguồn thu nhập bình quân hàng tháng của hộ gia đình

	Hộ gia đình người thu gom rác		Hộ gia đình thợ xây dựng	
	Thu nhập bình quân hộ gia đình (đồng)	%	Thu nhập bình quân hộ gia đình (đồng)	%
Tiền công	8.300.000	66	19.005.056	96
Phụ cấp, trợ cấp từ Nhà nước	-	0	32.584	0
Kinh doanh, buôn bán, dịch vụ	95.238	1	224.719	1
Con cái/người thân cho	87.302	1	28.090	0
Bán ve chai, nhật phế liệu	3.896.825	31	-	0
Người dân cho	152.381	1	-	0
Thầu xây dựng hỗ trợ	-	0	46.067	0
Khác	5.286	0	477.753	2
Tổng	12.537.032	100	19.814.270	100

Nguồn: Nguyễn Thị Minh Châu, 2019.

Cơ cấu nguồn thu nhập của hộ gia đình (Bảng 2), thu nhập từ việc làm được thuê mướn chiếm chủ yếu, ở nhóm xây dựng 96% thu nhập của hộ gia đình là từ tiền công (19.005.056 đồng/tháng cho 2 người lao động); ở nhóm thu gom rác thì tỷ lệ thu từ tiền công chiếm 66% (8.300.000 đồng/tháng/2 người lao động), 31% còn lại là từ việc nhặt và bán phế liệu (cũng gắn với công việc được thuê mướn); các nguồn còn lại chiếm tỷ lệ rất nhỏ là 3%. Như vậy, hầu như thu nhập của hộ gia đình chỉ có từ một nguồn duy nhất là tiền công và các khoản khác liên quan (trong đó thu từ tiền công là khoản cố định hàng tháng; còn thu từ các hoạt động khác mang tính biến động, không ổn định). Điều này cho thấy, các khoản chi tiêu của gia đình đều phụ thuộc chủ yếu vào tiền công lao động được thuê mướn.

3.2. Chi tiêu hộ gia đình

Chi tiêu của các hộ gia đình được nhóm thành các khoản chi tiêu chính

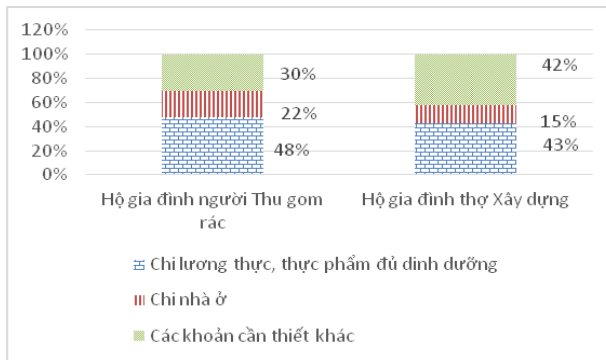
như sau: chi phí nhà ở, chi phí dành cho lương thực thực phẩm, chi phí về chăm sóc sức khỏe, chi phí giáo dục, tiền gửi về quê, giải trí, quần áo, xăng xe đi lại và một số khoản khác. Chi tiêu bình quân hộ gia đình là 12.713.875 đồng/tháng, và mức độ chênh lệch về chi tiêu giữa nhóm thu gom rác và xây dựng không quá lớn: ở nhóm thu gom rác là 12.169.651 đồng/tháng, nhóm xây dựng là 13.099.112 đồng/tháng (Bảng 3). Nếu so sánh giữa các dòng chi cho lương thực thực phẩm thì ở 2 nhóm lao động có sự khá tương đồng. Khoản gửi về quê ở nhóm xây dựng cao hơn so với nhóm thu gom rác bởi như đề cập ở quy mô hộ gia đình; tỷ lệ di cư hộ gia đình ở nhóm này thấp hơn nhóm thu gom rác; tức nhóm xây dựng thông thường di cư theo mô hình cha mẹ đi làm, con cái ở lại quê; nên có thể lý giải là số tiền gửi về quê cho con cái nhiều hơn.

Bảng 3. Các khoản chi tiêu cơ bản bình quân hàng tháng của hộ gia đình (đvt: đồng)

Các khoản chi phí bình quân hàng tháng/hộ	Hộ gia đình người thu gom rác	Hộ gia đình thợ xây dựng	Tổng
Nhà ở	2.501.429	1.979.326	2.195.724
Lương thực, thực phẩm	5.592.857	5.559.551	5.573.355
Chăm sóc sức khỏe	298.302	278.989	286.993
Giáo dục	426.452	251.163	324.595
Gửi về quê	1.381.371	2.402.636	1.980.513
Giải trí	676.855	954.386	839.673
Quần áo	179.758	406.270	313.265
Khác	287.692	834.000	618.788
Xăng xe đi lại	146.032	163.636	156.291
Tổng chi	12.169.651	13.099.112	12.713.875

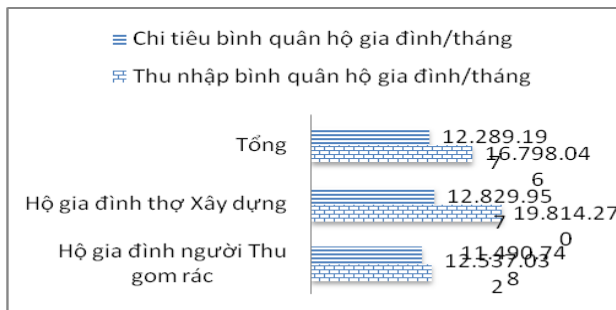
Nguồn: Nguyễn Thị Minh Châu, 2019.

Biểu đồ 1. Cơ cấu chi tiêu bình quân hộ gia đình trong tháng phân theo tiêu chí tính lương đủ sống của Ankers



Nguồn: Nguyễn Thị Minh Châu, 2019.

Biểu đồ 2. Thu - chi hộ gia đình



Nguồn: Nguyễn Thị Minh Châu, 2019

Nếu chia chi tiêu hộ gia đình thành 3 lệch này. Chẳng hạn ở nhóm xây

nhóm chi tiêu cơ bản theo tiêu chí tính lương đủ sống của Ankers, thì cơ cấu chi tiêu của hộ gia đình trong tháng sẽ bao gồm: chi cho lương thực thực phẩm chiếm 45%, chi cho nhà ở là 18% và 37% còn lại chi cho các khoản phi thực phẩm và nhà ở cần thiết khác. Cơ cấu chi tiêu (Biểu đồ 1) phản ánh đúng với đặc điểm nhóm lao động, chẳng hạn chi phí về nhà ở của nhóm thu gom rác cao hơn nhóm xây dựng bởi tỷ lệ người thu gom rác sống theo hộ gia đình tại TPHCM cao hơn nên chi phí dành cho nhà ở cũng cao hơn.

Thu nhập và chi tiêu hàng tháng của hộ gia đình (Biểu đồ 2) cho thấy tổng thu nhập bình quân hộ gia đình trong tháng đáp ứng đủ mức chi tiêu bình quân trong tháng; cũng có một tỷ lệ khá cao gửi tiết kiệm từ khoản chênh

dựng, có số chênh lệch thu chi khá lớn, gần 6,8 triệu đồng/tháng, trong khi nhóm thu gom rác thì hầu như thu chỉ đủ chi.

3.3. Tiền công của lao động làm thuê phi chính thức trong so sánh với tiền lương tối thiểu vùng

Theo chính sách lương tối thiểu, tất cả người lao động tại TP HCM làm việc theo chế độ hợp đồng lao động của Bộ luật Lao động được hưởng lương tối thiểu vùng I. Mức lương tối thiểu vùng này tăng dần qua các năm, từ năm 2015 là 3.100.000 đồng/tháng, năm 2017 tăng lên 3.750.000 đồng/tháng. Từ ngày 1/1/2018, theo Nghị định số 141/2017/NĐ-CP, hầu hết các quận huyện tại TP HCM đều áp dụng mức lương tối thiểu vùng I là 3.980.000 đồng/tháng, trừ huyện Cần Giờ thuộc vùng II có mức lương tối thiểu là 3.530.000 đồng/tháng. Từ ngày 1/1/2019 lương tối thiểu vùng I tăng lên 4.180.000 đồng/tháng.

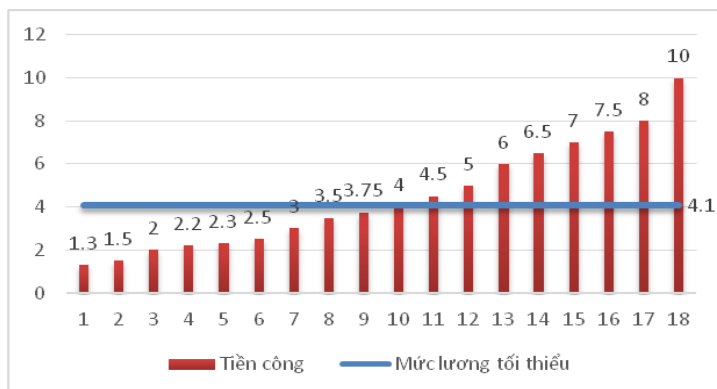
Trong tổng thu nhập từ việc làm, nếu chỉ tính tiền công, không tính khoản

tiền làm ngoài giờ, tăng ca hay phụ cấp, thì tiền công bình quân của lao động thu gom rác là 4.351.048 đồng/tháng/người và của người làm xây dựng là 8.768.051 đồng/tháng/người. So với mức lương tối thiểu năm 2019 là 4.180.000 đồng/tháng, thì tiền công bình quân của người làm thuê thu gom rác dân lập chỉ cao hơn khoảng 200.000 đồng, trong khi ngành xây dựng thì thu nhập cao hơn gấp đôi so với lương tối thiểu.

Trong nhóm làm thuê thu gom rác dân lập, 60,3% có thu nhập từ 1.333.000 đồng/tháng đến 4.000.000 đồng/tháng; chỉ có tỷ lệ 39,7% từ 4.500.000 đến 10.000.000 đồng/tháng. Tức khoảng 60% người thu gom rác dân lập có tiền công được trả từ làm thuê dưới mức lương tối thiểu; tiền công thấp nhất của người làm thuê thu gom rác là 1.300.000 đồng/tháng và mức cao nhất là 10.000.000 đồng/tháng.

Đối với nhóm xây dựng, tiền công từ việc làm được thuê cao hơn nhiều so với nhóm thu gom rác và so với mức

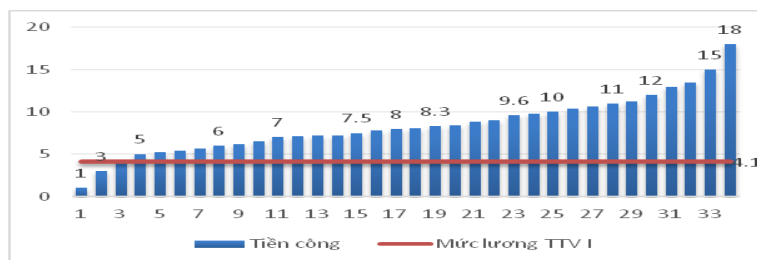
Biểu đồ 3. Tiền công từ việc làm thuê của người thu gom rác so với đường mức lương tối thiểu (đvt: triệu đồng)



Nguồn: Nguyễn Thị Minh Châu, 2019

lương tối thiểu. Biểu đồ 4 cho thấy, hầu hết là trên mức lương tối thiểu, mức tiền công thấp nhất là 1 triệu đồng/tháng (chỉ có 1 trường hợp), 3 triệu đồng/tháng cũng chỉ có 1 trường hợp; mức tiền công của thợ xây dựng phổ biến ở mức từ 9 triệu đồng đến 10 triệu đồng; mức tiền công cao nhất là 18 triệu đồng/tháng.

Biểu đồ 4. Tiền công từ việc làm thuê của thợ xây dựng so với đường mức lương tối thiểu (đvt: triệu đồng)



Nguồn: Nguyễn Thị Minh Châu, 2019

Bảng 4. Các khoản chi phí cơ bản của hộ gia đình tiêu biểu và lương đủ sống (đvt: đồng)

	Hộ gia đình người thu gom rác	Hộ gia đình thợ xây dựng
Chi phí lương thực, thực phẩm	5.592.857	5.559.551
Chi phí nhà ở	2.501.429	1.979.326
Các khoản cần thiết khác (giáo dục, y tế, giải trí, hiếu hỉ, gửi về quê cho con)	3.396.462	5.291.080
Tổng các khoản chi phí	11.490.748	12.829.957
Chi phí dự phòng phát sinh (5%)	574.537	641.498
Tổng chi phí cơ bản cho hộ gia đình tiêu biểu ^(*)	12.065.285	13.471.455
Lương đủ sống ^(**)	6.032.642	6.735.727
Lương đủ sống thực hưởng ^(***)	6.032.642	6.735.727

(*) Hộ gia đình tiêu biểu là hộ gồm có 4 người (2 người lao động và 2 người phụ thuộc).

(**) Lương đủ sống = tổng chi phí cơ bản cho hộ gia đình tiêu biểu/số người lao động trong hộ gia đình (ở đây là 2 người) = Tổng chi phí cơ bản cho hộ gia đình tiêu biểu/2.

(***) Lương đủ sống thực hưởng = Lương đủ sống + các khoản thuế + Bảo hiểm xã hội. Trong nghiên cứu này, người lao động phi chính thức không nộp các khoản thuế và bảo hiểm xã hội.

Nguồn: Nguyễn Thị Minh Châu, tính toán dựa vào kết quả khảo sát tháng 7 - 8/2019 và cách tính lương đủ sống của Ankers.

Kết quả khảo sát cho thấy, tiền công của nhóm lao động phi chính thức làm công ăn lương ở nghề thu gom rác dân lập thấp hơn so với chính sách lương tối thiểu vùng. Tiền công của nhóm lao động này do thị trường điều tiết.

3.4. Tiền công và lương đủ sống của lao động làm thuê phi chính thức ở TPHCM

Căn cứ vào phương pháp tính lương đủ sống của Ankers, dựa vào thu nhập cũng như chi tiêu của hộ gia đình, kết quả tính lương đủ sống của nhóm lao động làm thuê phi chính thức trong mẫu khảo sát như sau:

Qua Bảng 4 chúng ta thấy, lương đủ sống của hộ gia đình thu gom rác dân lập là 6.032.642 đồng/tháng và của hộ

Bảng 5. So sánh tiền công thực nhận và lương đủ sống ở TPHCM

	Hộ gia đình người thu gom rác	Hộ gia đình thợ xây dựng
Tiền công thực nhận bình quân	4.351.048	8.768.652
Lương đủ sống	6.032.642	6.735.727
Chênh lệch tiền công/lương đủ sống	72%	130%

Nguồn: Nguyễn Thị Minh Châu, 2019.

gia đình thợ xây dựng là 6.735.727 đồng/tháng. So sánh tiền công thực nhận hiện nay với mức lương đủ sống được tính toán ở trên (xem Bảng 5) thì tiền công của nhóm thu gom rác dân lập chỉ đáp ứng được 72% so với mức lương đủ sống; với nhóm xây dựng thì tiền công khá cao so với mức lương đủ sống, cao hơn 30%. Như vậy, có thể xem nhóm thu gom rác dân lập thuộc nhóm dễ bị tổn thương, bởi tiền công chưa đáp ứng được mức lương đủ sống, và thiếu hụt về an sinh xã hội (không có bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...), môi trường làm việc độc hại.

Với kết quả trên, làm thế nào để đảm bảo tiền công của nhóm người thu gom rác dân lập đáp ứng được mức lương đủ sống ở TPHCM? Vấn đề này có thể được giải quyết ở nhóm lao động chính thức với sự điều tiết của mức lương tối thiểu vùng. Song, đối với nhóm lao động phi chính thức, trường hợp ở đây là nhóm người thu gom rác dân lập, vẫn là câu hỏi bỏ ngỏ; cần được thúc đẩy để đảm bảo cuộc sống đàng hoàng, đảm bảo an sinh xã hội.

4. THAY LỜI KẾT

Cho đến nay, mức tiền công của nhóm

lao động làm thuê phi chính thức hầu như phụ thuộc vào bàn tay vô hình của thị trường điều tiết về tiền công lao động, chưa có sự can thiệp của nhà nước như là nhóm lao động chính thức. Với mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội toàn dân, theo chúng tôi, cần đưa nhóm lao động phi chính thức vào đối tượng điều chỉnh của Bộ luật Lao động và được hưởng các chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, để xây dựng những luận cứ khoa học mang tính thuyết phục cao về mối tương quan giữa tính phi chính thức của việc làm và tình trạng nghèo; tạo nền tảng cơ sở để xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng sống, đảm bảo an sinh xã hội cho nhóm lao động phi chính thức, cần nghiên cứu sâu những vấn đề như:

- Nghiên cứu phân khúc vị thế nghề nghiệp của nhóm lao động phi chính thức và ảnh hưởng của nó đối với sự khác biệt lớn về tình trạng nghèo (bao gồm nghèo đơn chiều và nghèo đa chiều) của những người này.

- Phân tích tương quan giữa tình trạng phi chính thức và nghèo, các yếu tố nghèo của lao động phi chính thức; cả nghèo đơn chiều và nghèo đa chiều theo lát cắt phân khúc vị thế nghề

nghiệp. Các nghiên cứu về lao động phi chính thức cần xác định rõ vị thế nghề nghiệp cụ thể trong từng phân khúc của lao động phi chính thức.

- Nghiên cứu phạm vi rộng về tiền lương/tiền công của nhóm lao động làm thuê, làm công ăn lương trong mối tương quan so sánh với mức sống tối thiểu và lương đủ sống, nhằm xác định mức tiền lương/tiền công đáp ứng đủ mức sống tối thiểu cho người lao động làm thuê phi chính thức. Nghiên cứu này cần đặt trong mối

tương quan giữa thu nhập từ việc làm phi chính thức với việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và giảm nghèo bền vững; trên cơ sở đó đưa ra các nhóm giải pháp vận động chính sách hướng đến đảm bảo thu nhập đủ sống.

- Xác định mức lương đủ sống của người lao động tại TPHCM; trên cơ sở đó thiết kế chính sách tiền lương của nhóm lao động phi chính thức làm công ăn lương, đáp ứng lương đủ sống tại TPHCM. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đỗ Quỳnh Chi. 2016. *Global Living Wage Series Vietnam - Urban Ho Chi Minh City*. Báo cáo kết quả nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Quan hệ lao động. Tháng 3/2016.
2. ILSSA. 2013. *Phát triển hệ thống an sinh xã hội Việt Nam đến năm 2020*. Xuất bản bởi GIZ.
3. Maurizio, Roxana. 2010. “Lao động phi chính thức và nghèo đói ở Châu Mỹ Latinh”, trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.
4. Nguyễn Thị Minh Châu. 2019. *Tiền công của người lao động làm thuê phi chính thức tại TPHCM: So sánh với tiền lương tối thiểu vùng và lương đủ sống*. Báo cáo đề tài cấp Viện.
5. Oxfam. 2018. *Tiền lương không đủ sống và hệ lụy - Nghiên cứu một số doanh nghiệp may xuất khẩu ở Việt Nam*. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu.
6. Tổng cục Thống kê và ILO. 2016. *Báo cáo lao động phi chính thức 2016*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.
7. Viện Khoa học Thống kê. 2010. *Tổng quan về kết quả điều tra thống kê khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và một số khuyến nghị về quản lý thông tin thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực*. Báo cáo kết quả nghiên cứu.